TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2021
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản'*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, ông Y Đo Niê

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLST–DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà A có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà H có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thế C, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:**

Trong năm 2020, bà Nguyễn Thị Kim H vay tiền của bà A để lo công việc làm ăn và việc gia đình khoảng từ 04 đến 5 lần. Trong đó có 04 lần bà A còn lưu lại giấy vay tiền, lần còn lại bà A không nhớ. Cụ thể:

- Ngày 28/6/2020, bà H vay của bà A 15.000.000đồng, bà H đã trả đủ tiền không tranh chấp, khi trả tiền không ký xác nhận, không nhớ rõ thời gian trả tiền.

- Ngày 14/7/2020, bà H vay của bà An 12.000.000đồng theo hình thức trả góp, đã trả đủ tiền, không có giấy tờ trả nên không nhớ rõ thời gian. Bà A nhờ bà L thu hộ của bà H mỗi ngày 400.000đồng, không tranh chấp.

- Ngày 12/7/2020, bà H vay của bà A 30.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng. Lãi thỏa thỏa thuận miệng, bà Hương chưa trả khoản tiền nào.

- Ngày 12/8/2020, bà H vay thêm của bà A số tiền 18.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, mức lãi trong hạn 1,5%/tháng, hình thức trả góp mỗi ngày 600.000đồng. Do sau khi vay tiền, bà H không có thu nhập nên xin trả góp 300.000đồng/ngày nhưng từ đó đến nay bà H chưa trả cho bà A khoản tiền nào.

Theo đơn khởi kiện, bà A yêu cầu bà H phải trả:

+ 30.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay ngày 12/7/2020 và tiền lãi 1%/tháng x7 tháng =2.100.000đồng.

+ 18.000.000 nợ gốc theo giấy vay ngày 12/8/2020 và tiền lãi 1%/tháng x 6 tháng = 1.080.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà A trình bày: Theo giấy vay ngày 12/7/2020 mức lãi trong hạn là 3.000đồng/tháng/triệu. Bà H đã trả 10.000.000 đồng nợ gốc 3.000.000đồng tiền lãi trong hạn. Bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện bà H đối với số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay ngày 12/7/2020 và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Huỳnh Thế C (chồng của bà H) liên đới trả số tiền vay 38.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Việc vay tiền giữa bà A và bà H không liên quan đến ông C. Bà A yêu cầu bà H phải trả:

- 20.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay mượn tiền ngày 12/7/2020 và tiền lãi quá hạn 10%/năm kể từ ngày 13/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- 18.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay mượn tiền ngày 12/8/2020 và tiền lãi trong hạn và quá hạn 10%/năm kể từ ngày 13/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:**

Bà H công nhận chữ ký và chữ viết trong hai giấy vay tiền ngày 12/7/2020 và ngày 12/8/2020 là của bà H, chữ ký Huỳnh Thế C do bà H tự viết vào trong giấy vay tiền ngày 12/7/2020.

- Khoản vay ngày 12/7/2020, mức lãi trong hạn thỏa thuận miệng 7.000đồng/triệu/tháng, bà H đã trả cho bà An 10.000.000đồng nợ gốc và 3.000.000đồng tiền lãi trong hạn của 01 tháng. Bà H đồng ý trả cho bà A số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

- Khoản tiền vay ngày 12/8/2020, bà A lấy trước 3.000.000đồng tiền lãi của 01 tháng nhưng không viết giấy tờ. Bà H đã trực tiếp trả góp cho bà A 600.000đồng/ngày (từ ngày 03/8/2020), bà H đã trả được 12.000.000đồng, khi trả tiền không lập văn bản. Bà H chỉ chấp nhận trả cho bà A 6.000.000đồng nợ gốc, không chấp nhận tiền lãi.

Bà A nhờ bà L thu tiền trả góp của bà H để trả cho khoản tiền vay 12.000.000đồng nhưng không nhớ rõ ngày vay và thời gian trả, bà H đã trả xong khoản nợ này, không liên quan đến 02 khoản tiền vay mà bà A khởi kiện.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thế C trình bày:** Ông C là chồng của bà H. Ông C không biết và không có liên quan, không ký giấy tờ vay tiền giữa bà A và bà H. Ông có chứng kiến một lần bà H trả nợ cho bà A 10.000.000 đồng tại nhà của ông C, bà H. Ông C không yêu cầu gì.

*** Tại phiên tòa người làm chứng bà Lê Thị L trình bày:** Ngày 12/7/2020, bà L chứng kiến bà H vay 30.000.000đồng của bà A tại Công viên 1-6, không chứng kiến viêc giao nhận tiền. Ngoài ra bà L không chứng kiến thêm lần nào khác. Ngày 31/7/2020, bà L được bà A nhờ nhận hộ tiền trả góp từ bà H đối với khoản tiền vay 12.000.000đồng nhưng không biết trả cho khoản vay ngày nào. Bà L bắt đầu thu từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/8/2020 với số tiền 11.600.000đồng (trừ ngày 10/8/2020 bà H không góp tiền). Ngoài ra bà L không được bà A nhờ thu tiền góp lần nào khác. Việc bà H vay và trả tiền đối với khoản vay 18.000.000đồng bà L không biết.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thế Công vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt những ông Công.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Thế C liên đới cùng với bà H trả 38.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc 10.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 12/7/2020.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 12/7/2020 và 18.000.000đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 12/8/2020 đồng thời phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 13/8/2020 đến ngày 21/7/2020 của hai khoản tiền nợ gốc nêu trên.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị A) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (bà Nguyễn Thị Kim H) phải trả tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh ĐắkLắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thế C vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn bà H phải trả tiền nợ gốc 10.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 12/7/2020 và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Thế C phải liên đới trả nợ cùng với bị đơn là phù hợp. Căn cứ Điều 217 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện đã rút.

[2] Về nội dung:

2.1. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nội dung giấy vay tiền ngày 12/7/2020 và giấy vay tiền ngày 12/8/2020, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 10.000.000đồng nợ gốc và 3.000.000đồng tiền lãi trong hạn theo giấy vay tiền ngày 12/7/2020 là đúng sự thật. Việc ký giấy vay tiền và việc trả tiền là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS đây là những tình tiết chứng cứ đã được các bên đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bên vay không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở, bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đối với nguyên đơn.

+ Giấy vay tiền ngày 12/7/2020, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 10.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 20.000.000 đồng. Vì vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng nợ gốc.

+ Giấy vay tiền ngày 12/8/2020: Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng nguyên đơn đã nhận tiền lãi trong hạn 3.000.000đồng và tiền góp do bị đơn trực tiếp trả cho nguyên đơn mỗi ngày 600.000đồng trong khoảng thời gian thời gian từ ngày 03/8/2020 (trước thời điểm vay tiền 12/8/2020), đã trả 12.000.000đồng nợ gốc nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng.

Tại phiên tòa bị đơn, nguyên đơn thừa nhận bà L có thu tiền góp của khoản tiền 12.000.000đồng, mỗi ngày thu của bị đơn 400.000đồng, đã trả xong không liên quan đến việc trả nợ của khoản vay ngày 12/8/2020. Chứng cứ bà L cung cấp tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các đương sự cho thấy khoản tiền bà L thu tiền góp cho nguyên đơn không liên quan đến khoản tiền vay ngày 12/8/2020. Lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với lời khai tại phiên tòa và không có cơ sở để xem xét. Do đó cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 18.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay mượn tiền ngày 12/8/2020.

[2.4] Về lãi suất:

- Giấy vay tiền ngày 12/7/2020, các đương sự trình bày mức lãi trong hạn thỏa thuận miệng không thống nhất. Các đương sự đều thừa nhận đã trả xong lãi trong hạn (3.000.000đồng trong 01 tháng) không tranh chấp, không thỏa thuận lãi suất quá hạn.

- Giấy vay tiền ngày 12/8/2020, thỏa thuận mức lãi trong hạn 1,5%/tháng, không thỏa thuận lãi quá hạn. Bị đơn cho rằng đã trả trước 3.000.000đồng tiền lãi của 01 tháng nhưng không viết giấy tờ, không có chứng cứ chứng minh vì vậy không có căn cứ để xem xét.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không chứng minh được việc trả nợ lãi nên phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất là 10%/năm theo quy định tại Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468 BLDS. Thời gian tính lãi và mức lãi theo yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc theo giấy vay ngày 12/7/2020 tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 21/7/2021: (20.000.000 đồng x 10% x 342 ngày): 365 ngày = 1.874.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc theo giấy vay ngày 12/8/2020, tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 21/7/2021: (18.000.000 đồng x 10% x 342 ngày): 365ngày = 1.686.000 đồng.

Tổng tiền lãi : 3.560.000đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 41.560.000đồng

[2.5] Các đương sự đều thừa nhận việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn ông C không tham gia, và cũng không sử dụng tiền vay. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông C về việc liên đới trả nợ cùng với bị đơn là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận là (41.560.000đồng x5%)= 2.078.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 370, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 217; Khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà An số tiền 41.560.000 đồng (*Bốn mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*). Bao gồm 38.000.000đồng tiền nợ gốc và 3.560.000đồng tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 12/7/2020 và giấy vay tiền ngày 12/8/2020.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 12/7/2020; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Avề yêu cầu ông Huỳnh Thế C phải liên đới chịu trả nợ cùng với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 2.078.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị A 1.280.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0014568 ngày 02/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải